

Số: 124 /BC-UBND

Bình Phước, ngày 07 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 29/BC-HĐND-VHXH ngày 28/6/2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra các dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp thứ 15 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội;

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và kiến nghị của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 124/TTr-SLĐTBXH ngày 01/7/2024;

Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu tiếp thu ý kiến các nội dung tại mục II của Báo cáo thẩm tra số 29/BC-HĐND-VHXH ngày 28/6/2024 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

I. Các nội dung UBND tỉnh tiếp thu hoàn toàn, điều chỉnh dự thảo Nghị quyết

* Ý kiến của Ban Văn hóa - Xã hội

- Đề nghị bổ sung căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Căn cứ pháp lý thứ 7, đề nghị sửa cụm từ “điểm đ khoản 22 Điều 1”

thành “khoản 22 Điều 1”.

- Bỏ căn cứ pháp lý thứ 8 ra khỏi Dự thảo Nghị quyết vì Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND đã quy định căn cứ này.

- Điều 2:

+ Gộp khoản 1 và 2 thành một đoạn;

+ Bỏ cụm từ “triển khai” và cụm từ “Nghị quyết đúng theo quy định của pháp luật” ở khoản 1 và bỏ cụm từ “Nghị quyết” sau cụm từ “giám sát việc thực hiện” ở khoản 2.

* **Ý kiến của UBND tỉnh:** Thống nhất tiếp thu, chỉnh sửa theo các ý kiến góp ý.

II. Nội dung tiếp thu có giải trình

1. Ý kiến của Ban Văn hóa - Xã hội

- Khoản 1 Điều 1 sửa đổi khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND: dự thảo quy định giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ các quy định hiện hành của Chính phủ, Bộ, ngành hướng dẫn các địa phương thực hiện mẫu hồ sơ là không đúng quy định tại điểm đ khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thì thẩm quyền ban hành mẫu hồ sơ là của Hội đồng nhân dân tỉnh. Vì vậy, đề nghị quy định cụ thể trong Nghị quyết mẫu hồ sơ dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Bổ sung một khoản trong Điều 1 quy định cụ thể mẫu hồ sơ đề xuất dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo đúng thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và giải trình 02 nội dung này cụ thể như sau:

+ Ngày 30/12/2022, Sở Tư pháp có Báo cáo số 363/BC-STP báo cáo công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, trong đó có nội dung “Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giai đoạn triển khai thực hiện từ năm 2021 là không phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 152 Luật Ban hành văn bản QPPL; nội dung quy định tại khoản 3, Điều 3, khoản 3, Điều 4 quy định kèm theo Nghị quyết có yếu tố cấu thành thủ tục hành chính là chưa phù hợp theo khoản 4 Điều Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2020”. Do vậy UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND theo hướng “giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ các quy định hiện hành của Chính phủ, Bộ, ngành hướng dẫn các địa phương thực hiện” để tránh phát sinh thủ tục hành chính.

+ Qua ý kiến thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội, theo quy định tại điểm đ khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Cơ quan soạn thảo đã căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, các văn bản pháp luật khác và quá trình triển khai thực hiện thực tế tại các đơn vị để xây dựng các biểu mẫu gồm: (*mẫu hồ sơ dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; mẫu hồ sơ đề xuất dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng*) và gửi lấy ý kiến góp ý của 2 cơ quan chủ quản Chương trình mục tiêu quốc gia là Ban Dân tộc, Văn phòng Điều phối nông thôn mới và UBND 11 huyện, thị xã, thành phố (có báo tổng hợp ý kiến đính kèm).

+ Với ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và bổ sung nội dung là các mẫu hồ sơ vào dự thảo Nghị quyết. Cụ thể: Mẫu hồ sơ dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (03 mẫu). Mẫu hồ sơ đề xuất dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (03 mẫu).

2. Ý kiến của Ban Văn hóa – Xã hội

- Khoản 2, 3, 4 Điều 1 sửa đổi khoản 3 Điều 3, khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND, dự thảo quy định giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ các quy định hiện hành của Chính phủ, Bộ, ngành hướng dẫn các địa phương thực hiện trình tự, thủ tục, lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất là không đúng quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP vì thẩm quyền ban hành trình tự, thủ tục, lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất là của Hội đồng nhân dân tỉnh. Vì vậy, đề nghị quy định cụ thể trong Nghị quyết trình tự, thủ tục, lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất phù hợp với quy định tại khoản 2, 13 và 14 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và các văn bản liên quan.

*** Ý kiến của UBND tỉnh**

Căn cứ khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh xây dựng, trình HĐND cấp tỉnh quyết định: d) Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này”.

Căn cứ khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

Như vậy, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh là cần thiết và đúng thẩm quyền.

Tuy nhiên dự thảo Nghị quyết, tại khoản 2, 3, 4 Điều 1 sửa đổi khoản 3 Điều 3, khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND, dự thảo quy định “giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ các quy định hiện hành của Chính phủ, Bộ, ngành hướng dẫn các địa phương thực hiện trình tự, thủ tục, lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất là theo kiến nghị của Báo cáo số 363/BC-STP của Sở Tư pháp để không phát sinh thủ tục hành chính.

Theo ý kiến của Ban Văn hóa - Xã hội đề nghị quy định cụ thể trong Nghị quyết trình tự, thủ tục, lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất phù hợp với quy định tại khoản 2, 13 và 14 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và các văn bản liên quan; UBND tỉnh không bổ sung nội dung này vào dự thảo Nghị quyết, với lý do: Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh đã quy định trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất cụ thể, chi tiết, đúng quy định của pháp luật, quá trình áp dụng phù hợp với thực tiễn, thuận lợi cho các đối tượng liên quan nên không cần thiết phải sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Vì vậy trình tự, thủ tục, lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất áp dụng theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND là phù hợp.

3. Ý kiến của Ban Văn hóa - Xã hội

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh làm rõ căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn trong việc quy định bổ sung khoản 5 Điều 1 và khoản 6 Điều 1.

*** Ý kiến của UBND tỉnh:**

Căn cứ điểm đ khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ, dự thảo Nghị quyết UBND tỉnh đã xây dựng 02 tiêu chí gồm tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và tiêu chí lựa chọn dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng. Đây là 02 tiêu chí chưa được quy định tại các văn bản của Bộ, ngành Trung ương, chỉ căn cứ vào thực tiễn triển khai các phương thức hỗ trợ sản xuất ở cơ sở và ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan để tham mưu.

Tuy nhiên đây là những nội dung mới, chưa có văn bản quy định vì vậy UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh không bổ sung 02 tiêu chí này vào dự thảo Nghị quyết, nội dung này UBND tỉnh sẽ giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp cơ quan liên quan tham mưu lồng ghép nội dung này vào Nghị quyết định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22 trình Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp gần nhất của năm 2024.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu ý kiến thẩm tra tại Báo cáo thẩm tra số

29/BC-HĐND-VHXH ngày 28/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Kèm theo:

- *Dự thảo Nghị quyết đã được tiếp thu, giải trình.*
- *Báo cáo tổng hợp các ý kiến góp ý đối với các biểu mẫu.*

Noi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Ban VHXH, HDND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-HĐND).



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: /2024/NQ-HĐND

DƯ THẢO
(Đã tiếp thu ý kiến
thẩm tra của Ban VHXH)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA X, KỲ HỌP THỨ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-UBDT ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-HĐND-VHXH ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ban văn hóa xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 3

“2. Mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết hỗ trợ phát triển sản xuất trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gồm: Đơn đề nghị hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết áp dụng theo Mẫu số 01; Dự án, kế hoạch liên kết áp dụng theo Mẫu số 02; Biên bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết áp dụng theo Mẫu số 03”.

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Mẫu hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất gồm: Đơn đề nghị hỗ trợ dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng áp dụng theo Mẫu số 04; Dự án, phương án sản xuất cộng đồng áp dụng theo Mẫu số 05; Biên bản họp dân áp dụng theo Mẫu số 06”.

3. Bài bỏ khoản 2 Điều 5.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Đối với những dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất đã trình Hội đồng thẩm định trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Các nội dung khác không được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày .. .tháng 7 năm 2024./.

Noi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- TTTU, TTHĐND, UBND, Đoàn ĐBQH;
- BTT, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các tổ đại biểu HĐND, các đại biểu HĐND;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

**TÊN ĐƠN VỊ
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

..., ngày... tháng... năm

ĐỀ NGHỊ

**V/v hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất
liên kết theo chuỗi giá trị**

Kính gửi:

Tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án:

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số/Quyết định thành lập:

ngày cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

Căn cứ Chương trình mục tiêu quốc gia (tên của đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án) đề nghị⁽¹⁾.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm liên kết hoặc đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất:

.....

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô dự án, kế hoạch:

4. Tiến độ thực hiện dự kiến :

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung và kinh phí đề nghị hỗ trợ: Tổng vốn của dự án, kinh phí đề nghị hỗ trợ (ghi rõ tổng chi phí, trong đó cơ cấu tổng nguồn vốn và mức kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ, vốn của chủ trì liên kết, vốn của các bên tham gia liên kết...)

2. Dự toán chi tiết cụ thể của dự án theo từng năm.

¹. Tên cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án, kế hoạch liên kết

III. CAM KẾT: (*tên chủ trì liên kết để xuất dự án*) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm): /.**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu:

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*

TÊN ĐƠN VỊ
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày... tháng... năm

TÊN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

Phần I.

TỔNG QUAN VỀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ, SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

- Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn (có liên quan đến việc lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp)
- Thực trạng về liên kết và sản xuất tiêu thụ sản phẩm trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
- Sự cần thiết xây dựng dự án, kế hoạch liên kết

PHẦN II.

NỘI DUNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

I. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT

- Chủ trì liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:
- Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị chủ trì liên kết
.....
.....
.....

2. CÁC BÊN THAM GIA LIÊN KẾT

a) Tên đơn vị tham gia liên kết thứ nhất:

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số:....., ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:....., Fax:....., Email:
- Tài khoản:....., tại ngân hàng:

b) Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị tham gia liên kết

2. Đơn vị tham gia liên kết thứ hai:

a) Thông tin chung về đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số:....., ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:....., Fax:....., Email:
- Tài khoản:....., tại ngân hàng:

b) Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị tham gia liên kết

3. Đơn vị tham gia liên kết thứ

(Thông tin làm rõ như đơn vị tham gia liên kết thứ nhất, thứ hai).

4. Số lượng, đối tượng tham gia liên kết

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu cụ thể:

- a. Tổng số người được tạo việc làm khi thực hiện dự án, kế hoạch liên kết:
- b. Dự kiến số hộ thoát nghèo:
- c. Đóng góp cho kinh tế địa phương:

3. Thời gian triển khai

4. Địa điểm, quy mô

II. NỘI DUNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT:

1. Sản phẩm:
2. Quy trình áp dụng kỹ thuật khi liên kết
3. Hình thức liên kết
4. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết
5. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết, đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của những sản phẩm liên kết.
6. Các giải pháp để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư trang thiết bị . . .).
7. Nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia

III. TỔNG KINH PHÍ, CƠ CẤU NGUỒN VỐN

1. Tổng nguồn vốn cần để thực hiện (nêu rõ từng nguồn vốn như ngân sách nhà nước hỗ trợ, vốn của đơn vị chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, hoặc phần đóng góp của người dân bằng tiền hoặc bằng hiện vật quy đổi thành tiền, vốn tín dụng. . . trong đó đề xuất cụ thể các nội dung để nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ (mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ; giống cây trồng vật nuôi. . .).
2. Lộ trình bố trí, đối ứng vốn: xác định cụ thể số vốn của từng loại nguồn vốn được bố trí thực hiện theo từng năm.
3. Xây dựng dự toán chi tiết theo từng năm của kế hoạch; các chỉ số đầu ra gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án, kế hoạch (sau 06 tháng, sau 01 năm).
4. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết.

IV. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

Phần III CAM KẾT TRÁCH NHIỆM VÀ KIẾN NGHỊ

I. CÁC NỘI DUNG CAM KẾT TRÁCH NHIỆM TRONG THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm và cam kết của chủ trì liên kết, các bên tham gia liên kết. Trong đó làm rõ cam kết về: Chất lượng sản phẩm, dịch vụ và bố trí vốn của chủ trì liên kết, các bên liên kết để thực hiện các nội dung, hoạt động dự án, kế hoạch; nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia.
2. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan.
3. Dự kiến các rủi ro có thể xảy ra và dự kiến các biện pháp xử lý rủi ro.

II. CÁC NỘI DUNG KHÁC: Ngoài các nội dung nêu trên, chủ trì liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo các quy định của pháp luật.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

UBND XÃ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỦ ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

Hôm nay, vào lúc..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... , tại....., chúng tôi là các bên tham gia liên kết đã tổ chức họp với nội dung như sau:

1. Đơn vị tham gia liên kết thứ nhất:

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:

2. Đơn vị tham gia liên kết thứ hai:

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:

3. Đơn vị liên kết thứ ..

(Thông tin cần làm rõ tương tự các đơn vị trên)

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

1. Thông tin chung về chủ trì liên kết

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết
2. Sản phẩm, dịch vụ thực hiện liên kết.
3. Quy mô liên kết.
4. Các chỉ số đầu ra gắn với mốc thời gian thực hiện dự án liên kết (nêu rõ sau 01 năm, 02 triển khai thực hiện dự án liên kết, các chỉ số đầu ra của dự án đạt như thế nào).
4. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết.

III. VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Tổng vốn thực hiện dự án, kế hoạch
2. Số vốn đề nghị hỗ trợ
3. Đôi ứng của các bên tham gia liên kết (Bao gồm cả vốn bằng tiền hoặc hiện vật của người dân tham gia liên kết được quy đổi thành tiền).
4. Các nguồn vốn khác

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)
2. Các cam kết cho trường hợp phát sinh sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án, kế hoạch liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ bản, chủ trì liên kết giữ bản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ, NHÓM CỘNG ĐỒNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày... tháng... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**V/v hỗ trợ dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng****Kính gửi:**

Cộng đồng dân cư:

Người đại diện:

Chức vụ:

CMTND/CCCD:ngày cấp.....Nơi cấp

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

Căn cứ chính sách (Cộng đồng dân cư) đề nghị (tên cơ quan
được giao phê duyệt hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng):**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Loại sản phẩm đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất:

.....

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô dự án/phương án sản xuất:.....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến :

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung hỗ trợ chi tiết (nêu cụ thể từng nội dung đề nghị nhà nước hỗ trợ):

3. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ (*ghi rõ tổng chi phí, trong đó cơ cấu nguồn vốn đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ, vốn đối ứng của các hộ tham gia*)4. Lộ trình hỗ trợ theo từng năm (*nếu đề nghị hỗ trợ từ 2 năm trở lên*):**III. CAM KẾT:** (tên cộng đồng dân cư...) cam kết

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đảm bảo thực hiện thu hồi vốn theo quy định.

5. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm): /.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**TÊN TỔ NHÓM CỘNG
ĐỒNG** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày... tháng... năm

TÊN DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

1. Đại diện nhóm, tổ hợp tác:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Số CMND hoặc Căn cước công dân:....., ngày cấp:
..... nơi cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:....., Fax:....., Email:
- Tài khoản:....., tại ngân hàng:
2. Sơ lược về tình hình chung của nhóm, tổ hợp tác (quá trình thành lập, tình hình kinh tế của các thành viên, các đối tượng tham gia, số hộ nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo....).
3. Mục tiêu của dự án/phương án sản xuất
 - Mục tiêu chung
 - Mục tiêu cụ thể:
 - d. Tổng số người được tạo việc làm:
 - e. Số hộ thoát nghèo:
 - f. Đóng góp kinh tế địa phương:
4. Đối tượng tham gia: Tổng số lượng... .(kèm theo danh sách, địa chỉ, đối tượng từng hộ, từng thành viên tham gia).
 - a. Nhóm đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, khuyết tật:
 - Số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ nghèo là đồng bào DTTS.
 - Số lượng hộ mới thoát nghèo.
 - Số lượng người khuyết tật (không có sinh kế ổn định).
 - Hộ nghèo có thành viên là Người có công với cách mạng; phụ nữ thuộc hộ nghèo.
 - b. Nhóm đối tượng khác
 - c. Số thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi tham gia dự án/phương án sản

xuất (nếu có).

5. Các hoạt động của dự án

- Phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi để xuất hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có).
- Nhu cầu đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho các hộ tham gia dự án/phương án sản xuất.
- Hình thức, mức quay vòng vốn; luân chuyển, quản lý hiện vật.

6. Thời gian, địa điểm thực hiện dự án:

.....

7. Tổng kinh phí, cơ cấu nguồn vốn

- Tổng nguồn vốn thực hiện, trong đó xác định cụ thể vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ chi tiết cho từng hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia , vốn tín dụng ưu đãi, vốn đối ứng của các thành viên, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách....
- Lộ trình bố trí, đối ứng vốn: xác định cụ thể số vốn của từng loại nguồn vốn được bố trí thực hiện theo từng năm.

8. Dự kiến kết quả của dự án/phương án sản xuất

Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả đạt được theo năm ngân sách và thời điểm kết thúc dự án/phương án sản xuất có bao nhiêu hộ được hưởng lợi, đánh giá hiệu quả của dự án/phương án sản xuất đối với kinh tế địa phương và đối với các hộ gia đình sau khi tham gia dự án/phương án sản xuất.

9. Trách nhiệm của các thành viên tham gia dự án:

- Người đại diện.
- Các thành viên còn lại.

10. Chế tài xử lý trong trường hợp có vi phạm cam kết (nếu có); các rủi ro có thể xảy ra và dự kiến các giải pháp xử lý rủi ro (khi vật nuôi bị ốm chết, bị mất trộm. . .) thì hộ dân phải kịp thời báo cáo UBND xã để lập biên bản, báo cáo cấp có thẩm quyền.

11. Tổ chức thực hiện dự án/phương án sản xuất.

12. Các nội dung khác: Ngoài các nội dung nêu trên, tổ, nhóm cộng đồng có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án/phương án sản xuất và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

**ĐẠI DIỆN NHÓM,
TỔ CỘNG ĐỒNG**

UBND XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, vào lúc..... giờ..... ngày..... tháng..... năm....., tại....., nhóm hộ (tổ hợp tác) đã tổ chức họp để lựa chọn các hộ dân đủ điều kiện, đăng ký tham gia dự án:

I. Thành phần tham dự

1. Đại diện UBND xã:.....
2. Đại diện thôn (nơi triển khai dự án):
3. Đại diện nhóm hộ (Tổ hợp tác):
4. Chủ trì: Ông/bà:..... Chức vụ:
5. Thư ký: Ông/bà:..... Chức vụ:
6. Thành phần Cộng đồng dân cư đề xuất dự án: người, gồm có :
(ghi cụ thể danh sách từng hộ, thành viên)

II. Nội dung cuộc họp

1. Thống nhất việc cử đại diện của nhóm hộ, tổ hợp tác xây dựng dự án/phương án sản xuất cộng đồng

Qua quá trình thực tiễn sản xuất trên địa bàn và được sự thống nhất của UBND xã, Nhóm hộ hoặc Tổ hợp tác chúng tôi nhất trí cử ông:
địa chỉ:....., số CMND hoặc CCCD:....., số điện thoại liên hệ:

Đại diện cho chúng tôi để xây dựng dự án/phương án sản xuất, giao dịch với các cơ quan để cùng chúng tôi thực hiện dự án khi được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt theo quy định.

2. Các nội dung đề nghị hỗ trợ

- Phổ biến dự án dự kiến đề xuất: tên dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, đối tượng tham gia dự án theo quy định
- Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ:
.....
.....
.....

.....
 - Kinh phí đối ứng : (ghi giá trị đối ứng của từng hộ/thành viên)

Chúng tôi cam kết sẽ đối ứng kinh phí để cùng thực hiện dự án/phương án theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

3. Các nội dung khác:

.....

Cuộc họp kết thúc vào lúc..... giờ..... ngày..... tháng..... năm. Biên bản được các thành viên nhất trí thông qua, cùng ký tên vào biên bản và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA
(Ký, ghi rõ họ tên từng người)